

## NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA

# NGHĨA BIỂU TRUNG CỦA CÁC CON SỐ "CHÍN", "MƯỜI" TRONG THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ THÁI

CONNOTATIVE MEANINGS OF NUMBER "NINE"  
AND NUMBER "TEN" IN THAI PROVERBS AND IDIOMS

BÙI THANH HOA  
(TS; Đại học Tây Bắc)  
Hoàng Hoài Thu  
(ThS; Đại học Tây Bắc)

**Abstract:** In Thai proverbs and idioms, number *nine* and number *ten* can be found with quite high frequency in comparison with other numbers. They are capable of flexibly combine with different kinds of part of speech. Apart from the basic meaning which denotes the quantity and ordinal order, they do connote plurals, the whole, and the endlessness. The connotative meanings also show the ways people think of their life via real images and things. In addition, they convey the Thai people's spiritual life which highly appreciates the happiness, the richness of experience.

**Key words:** number, nine, ten, connotative meaning, Thai proverbs and idioms.

## 1. Đặt vấn đề

Các con số vốn là những kí hiệu toán học chuyển thành những kí hiệu ngôn ngữ dưới dạng số từ. Trong văn hóa nhân loại, chúng được coi là *những kí hiệu mang nghĩa*. Ngoài nghĩa bản nguyên là định lượng, đếm hoặc chỉ thứ tự, các con số còn có khả năng biểu thị những đặc tính, những giá trị của sự vật hiện tượng trong thế giới. "Đây là những tư tưởng, những chất lượng, chứ không phải số lượng" [3;828]. Nói cách khác, các con số ngoài ý nghĩa thực còn mang ý nghĩa biểu trưng. Nghiên cứu nghĩa biểu trưng của các con số là cơ sở để giải mã những đặc điểm văn hóa của một dân tộc, một cộng đồng.

Thành ngữ, tục ngữ là những đơn vị ngôn ngữ mang tính ổn định cao về hình thức, phản ánh đặc điểm tư duy, giao tiếp, tình cảm, văn hóa... đặc thù của một dân tộc, được xây dựng trên cơ chế biểu trưng đặc thù của các thành tố ngôn ngữ. Với cộng đồng dân tộc Thái ở Tây Bắc, thành ngữ và

tục ngữ được gọi chung là *quám* (lời có văn). Qua khảo sát các tư liệu: *Quám xon cón*, *Quám chiến Tày*, *Quám chiến láng* và *Lời có văn cha ông truyền lại* của các nhà Thái học, bài viết tập trung nghiên cứu ý nghĩa biểu trưng của các con số "chín", "mười" trong thành ngữ, tục ngữ Thái như một cơ sở để tìm hiểu những đặc điểm văn hóa của cộng đồng dân tộc đồng nhất Tây Bắc này.

## 2. Giá trị văn hóa chung của con số "chín", "mười"

Mỗi dân tộc có quan niệm về số "chín" khác nhau. Đối với người Azteque "chín" gắn với thần linh, của cõi âm và sự chết, là con số đáng sợ. Trong phần lớn các truyền thuyết về nguồn gốc của vũ trụ ở Ấn Độ có chín thế giới trong lòng đất. Và quan niệm này cũng phổ biến trong nhiều nền văn hóa Trung Quốc: "cửu tuyền" hay Việt Nam là "chín suối". "Số chín gắn liền với chín lần hóa thân của Vishnu. Chúa Jesu bị đóng

đỉnh câu rút vào giờ thứ ba, hấp hối vào giờ thứ sáu và tắt thở vào giờ thứ chín. Vì thế, con số chín trở thành vĩnh hằng, sự bắt đầu của con người, là biểu tượng của cái vô số trở về cái đơn nhất, nó là biểu tượng của tính liên kết vũ trụ và sự giải cứu” [3;80].

Người Trung Hoa quan niệm con đường dẫn đến ngai vàng của Hoàng đế là chín bậc, còn gọi là “cửu trùng”, cung điện Hoàng đế gồm chín cửa để ngăn cách Vua với ngoại giới. Vì “chín” là con số của sự tròn đầy, hoàn hảo, của sức mạnh và quyền uy, con số của trời. Quan niệm về kiểu kiến trúc này cũng ảnh hưởng lớn trong việc xây dựng cung điện của nhà vua triều Nguyễn Việt Nam. Số “chín” là con số của trời. Vua là thiên tử, xung quanh cung điện của vua được bao bọc bởi chín con rồng thiếp vàng chói lọi, hệ thống bậc thềm ở tầng nền dưới là chín bậc, trước mặt điện, số bậc cấp bước lên tổng cộng là chín bậc. Trung Quốc quan niệm số chẵn là là âm số lẻ là dương, số chín là số dương lớn nhất trong hệ cơ số 10,...

Trong văn hóa thế giới, số “chín” là một biểu tượng sinh động với các tầng nghĩa phong phú. “Trong thần thoại Hô me rơ có giá trị nghi lễ tượng trưng cho những cuộc tìm kiếm hiệu quả, tượng trưng cho việc hoàn thành các nỗ lực hoặc kết thúc cho một công việc sáng tạo” [3;179]

Đặc biệt ở Việt Nam và Trung Quốc, số “chín” là con số được sùng bái và tôn thờ. Nó gắn với sự kì lạ, bí ẩn. Đó là quá trình kì diệu hoài thai của một sinh linh. Và bắt nguồn từ cơ sở số “chín” là kí hiệu cuối cùng trong hệ cơ số mười, con số cuối cùng và cũng là con số lớn nhất của cơ số đó, dẫn đến ý nghĩa “chín” là biểu trưng tốt cùng của sự sung mãn.

Con số “mười” theo Pitago là một trong những con số thần thánh. “Mười” là cơ sở của tính toán, là số toàn vẹn nhất trong các số. Số “mười” là số đầu tiên có hai chữ số, là

số tròn chục, biểu hiện sự đầy đặn, tròn vẹn nhất. Đó là con số hoàn chỉnh đến mức không thể thêm cái gì đấy vào đấy được nữa, là số hoàn thiện đến mức khó đạt tới. Và nếu số “chín” là sự kết thúc một chu kì thì số “mười” là sự bắt đầu một chu kì mới biểu hiện của một vòng tuần hoàn bất tận. Đó là lí do đề hai con số “chín”, “mười” có biểu nghĩa khá giống nhau trong quan niệm văn hóa cũng như nghệ thuật.

**3. Hoạt động và ý nghĩa biểu trưng của các con số “chín”, “mười” trong thành ngữ, tục ngữ tiếng Thái**

**3.1. Hoạt động của các con số “chín”, “mười” trong thành ngữ, tục ngữ tiếng Thái**

#### 3.1.1. Về tần số xuất hiện

Qua khảo sát 4 tài liệu: *Quám xon cón* (Tục ngữ Thái) của nhóm tác giả Nà Văn Năm, Cẩm Thương, Lò Văn Sĩ, Tông Kim Ân, Kim Cương, Hương Huyền (NXB Văn hóa dân tộc, 1978); *Quám chiến tây* (Lời răn người) của tác giả Hoàng Trần Nghịch (NXB Văn hóa dân tộc, 1993); *Quám chiến láng* (Phương ngôn tục ngữ Thái) của tác giả Hoàng Trần Nghịch (NXB Văn hóa dân tộc, 1995) và *Lời có văn cha ông truyền lại* của tác giả Hoàng Trần Nghịch (NXB Văn hóa dân tộc, 2005), chúng tôi tìm được 595 đơn vị thành ngữ, tục ngữ có chứa các con số từ “một” đến “hai mươi”. Trong đó, số “chín” (câu) xuất hiện 56 lần, số “mười” (xíp) xuất hiện 51 lần, chiếm một tỉ trọng tương đối lớn so với các con số khác.

#### 3.1.2. Về vị trí và khả năng kết hợp

Các con số “chín”, “mười” có thể xuất hiện ở nhiều vị trí khác nhau trong thành ngữ, tục ngữ tiếng Thái. Chẳng hạn:

Có thể là đầu câu: (1) *Xíp châu khau/ Cầu châu ók* (Mười suy nghĩ vào/Chín suy nghĩ ra)

hoặc giữa câu: (2) *Mà sàm pi báu lum châu/Quai câu pi báu lum phuk* (Chó ba

năm không quên chủ/Trâu chín năm không quên chuông)

Hai con số này không chỉ xuất hiện một mình mà còn có thể kèm thêm các con số khác. Trong đó, con số kết hợp với “chín”, “mười” khá phổ biến là số “một”. Ví dụ:

(3) *Còn nung tành cầu bằng khâu lam đây kìn/Cầu còn tành bằng nung bấu đây kìn* 9 Một người nướng chín ông com lam được ăn/Chín người nướng một ông com lam không được ăn).

(4) *Xíp còn kìn ngai bấu to mở quai nung kìn khâu* (Mười người ăn trưa không bằng một con trâu ăn lúa).

Riêng số “mười” có xu hướng kết hợp nhiều hơn với số “năm”. Ví dụ:

(5) *Xíp pày nà/Bấu to há ma mu* (Mười phía trước/ Không bằng năm năm chắc trong tay)

(6) *Xíp đưa sáy bấu to há đưa khi* (Mười con sốt không bằng năm nổi lo)

(7) *Xíp bắt pạ bấu to há bắt khoan* (Mười nhát dao không bằng năm nhát riu)

Trong nhiều trường hợp, số “chín” và số “mười” xuất hiện song đôi như một cặp số. Ví dụ:

(8) *Xíp pák tang mi xíp hó khâu chẳng đi /Cầu pák tang mi cầu mæk đáp bấu đi* (Mười ngã đường có mười gói com thì tốt/Chín ngã đường có chín thanh kiếm không tốt)

(9) *Cầu tua ít/Xíp tua dák/Pá mo kình vẫn thâu* (Chín lần thiếu/Mười lần đôi/Làm cho người chóng già).

(10) *Cầu tú xíp* (Chín bỏ làm mười)

Phần lớn trong các thành ngữ, tục ngữ Thái, số “chín” và “mười” thường kết hợp trực tiếp với danh từ. Đó có thể là danh từ sự vật hay trừu tượng, đơn vị hay chất liệu, con người hay thiên nhiên/động vật, thực vật,... Các tiểu loại danh từ trong các kết hợp ấy thể hiện nội dung phong phú của thành ngữ, tục ngữ Thái. Ví dụ:

(11) *Ái nong tấc cầu tá bấu khạt/Tấc cầu lạt bấu xía* (Ruột thịt qua chín bên không đứt/Qua chín chợ không lia)

(12) *Dệt còn hũ cầu pông kiu pông ê/Vèn chếp pên bấu phau hụ đây* (Làm người có chín đoạn thắt, đoạn phình/Tai họa đến lúc nào chẳng hay)

(13) *Xíp quam pông bấu to nung quám xiêm* (Mười lời nói thẳng không bằng một lời xúc xiêm)

(14) *Xíp mua náo xao mua khâu* (Mười mùa rét 20 mùa lúa)

Bên cạnh đó, số “chín” và “mười” trong thành ngữ, tục ngữ Thái còn có thể kết hợp trực tiếp với động từ và tính từ. Đây là khả năng kết hợp đặc biệt của con số trong tiếng Thái, khác với con số trong tiếng Việt. Chẳng hạn:

(15) *Xíp hụ bấu to xấc/Xíp lấc bấu to lóng khời* (Mười biết không bằng chăm/Mười khôn không bằng thạo)

(16) *Xíp xôm bấu to xôm mác phen/Xíp xác nên bấu to nên chụ káu* (Mười chua không bằng chua quả phen/Mười yêu thương không bằng người tình cũ)

(17) *Lâu pông đồng/Đồng pông lâu/Cầu áo xíp xong lo* (Đồi non cây rừng già/Rừng già cây đồi non/Chín nghĩ mười hai lo)

Sự kết hợp trực tiếp của các từ chỉ con số với động từ, tính từ như trên thể hiện đặc điểm tư duy cụ thể bằng hình ảnh, hình tượng của dân tộc Thái.

Như vậy, số “chín” và “mười” trong thành ngữ, tục ngữ Thái có đặc điểm hoạt động khá linh hoạt, phong phú về vị trí và khả năng kết hợp. Đó là tiền đề quan trọng cho những ý nghĩa biểu trưng của chúng.

**3.2. Nghĩa biểu trưng của các con số “chín”, “mười” trong thành ngữ, tục ngữ Thái**

Các con số khi đi vào ngôn ngữ trở thành những kí hiệu ngôn ngữ được biểu hiện thông qua hình thức ngôn từ là các số từ với

nghĩa gốc là định lượng, đo đếm hoặc chỉ thứ tự. Trong thành ngữ, tục ngữ Thái, cả số từ số đếm và số từ thứ tự đều được sử dụng. Điều đáng nói là các số từ khi đứng một mình thì thường mang nghĩa cụ thể, nghĩa đen. Nhưng khi chúng kết hợp với nhau hoặc kết hợp với các từ loại khác trong thành ngữ, tục ngữ thì lại có thêm nghĩa khái quát, nghĩa biểu trưng bất ngờ, thú vị. Khảo sát hoạt động và ngữ nghĩa của số “chín” và “mười” trong thành ngữ, tục ngữ Thái, chúng tôi nhận thấy chúng có những lớp nghĩa biểu trưng sau:

### 3.2.1. Biểu trưng cho số nhiều

Trong hướng nghĩa này, số “chín” và “mười” được dùng để chỉ số lượng nhiều, không chính xác, không thể đo đếm. Đó có thể là những vật vụn, cực nhỏ trong lao động, mưu sinh:

(18) *Một khẩu câu mọt hũa* (Một hạt thóc, chín hạt mỗ hôi)

Tương quan bất cân xứng giữa “một hạt thóc” (ở đây số một đã được ẩn đi) và “chín hạt mỗ hôi” thể hiện nhận thức thấu đáo của người Thái về công việc đồng ruộng, đồng thời thể hiện thái độ trân quý thành quả lao động. Đối với người Thái, làm ruộng là kế sinh nhai chắc chắn và dài lâu hơn cả “*Xíp pò ca ma vạy pò na*” (Mười ông đi buôn về xin ông làm ruộng). Không gì khiến con người bất ổn như miếng ăn:

(19) *Câu tua út /Xíp tua dák/Pá mo kính vãn thẩu* (Chín lần thiếu/Mười lần đói/Làm cho người chống già)

Nét nghĩa số nhiều, không thể đo đếm của số “chín” và “mười” trong thành ngữ, tục ngữ Thái thường hướng tới thể hiện những khía cạnh khác nhau của đời sống con người. Đó có thể là đời sống tình cảm, cảm xúc hoặc những trải nghiệm, hoặc sức khỏe, sự hiểu biết...

(20) *Báo thẩu câu chua xào/Báo xam xáo pak/Vàn đương ỏi* (Trai già qua chín thời

gái/Trai ba mươi tuổi/Lời nói ngọt như đường)

(21) *Dệt côn hũ câu pòng kiu pòng ê/Vên chếp pên bấu phầu hụ đấy* (Làm người có chín đoạn thắt có chín đoạn phình/Tai họa đến lúc nào chả hay)

(22) *Phủ thầu pên câu đương* (Người già sinh chín bệnh)

(23) *Hặc cần, xem dài lòm bấu khát/Bấu hặc cần, hựa câu chặt cọ cung* (Yêu nhau sợ tơ quay không đứt/Không yêu nhau, rào chín lớp cũng đổ)

Hướng biểu trưng này cho thấy người Thái coi trọng đời sống tình cảm, cảm xúc, coi trọng những trải nghiệm. Cách nói “chín thời gái”, “chín đoạn”, “chín bệnh”, “chín lớp”,...trong những ngữ liệu nói trên thể hiện đặc điểm tư duy bằng hình ảnh, bằng sự vật của dân tộc Thái.

Nét nghĩa biểu trưng cho cái rất nhiều khiến số “chín” và “mười” trong thành ngữ, tục ngữ Thái còn được dùng để chỉ sự phồn thịnh, sung mãn, sự giàu có về của cải vật chất. Ví dụ:

(24) *Nặm ma na to lạy/Câu quai hay chu pì/Mi kìn bấu dân dák* (Nước vào ruộng bằng bịch/Chín trâu cày quanh năm/Có ăn chẳng sợ đói)

(25) *Phẩu mi xíp hũa tạy/Câu hũa lộp/Khong bấu hạy sắc sinh đống sằng* (Ước có mười đầu cùi/Chín đầu lạy/Của cải chẳng thiếu gì)

### 3.2.2. Biểu trưng cho tổng thể, toàn thể

Hướng nghĩa biểu trưng này thường được dùng để thể hiện tính tổng thể, toàn thể của không gian. Đó có thể là không gian của thiên nhiên hoặc không gian sinh sống của con người. Ví dụ:

(26) *Quam đi tót câu ta/Va hại tót câu muong* (Lời tốt đi chín bến/Lời xấu đi chín ruộng)

(27) *Quai đón kìn nhà tót câu pom cọ đón/Quai dằm kìn nhà tót câu pom cọ dằm*

(Trâu trắng ăn cỏ đến chín đời cũng trắng/  
Trâu đen ăn cỏ đến chín đời cũng đen)

(28) *Xấp lấu tóc cầu hươn* (Uống rượu ri  
tai đến chín nhà đều nghe)

“Chín bến”, “chín mừng”, “chín đời”  
hay “chín nhà” trong những ngữ liệu nói trên  
mang nghĩa là tất cả các bến, các mừng,  
các đời, các nhà. Tức là nhấn mạnh tới tính  
tổng thể, toàn vẹn của đối tượng.

### 3.2.3. *Biểu trưng cho sự vô cùng vô tận*

Trong thành ngữ, tục ngữ Thái, nghĩa  
biểu trưng cho tính toàn thể, tổng thể của số  
“chín” và “mười” cũng được dùng để chỉ  
thời gian. Ví dụ:

(29) *Mương tan ók, pò khàu/Dủ cầu phạ  
báu xôm* (Mường người có mỏ lúa/Ở chín  
đời cũng chẳng ưa)

“Chín đời” ở đây không còn nghĩa định  
lượng mà biểu trưng cho tính vĩnh hằng của  
thời gian. Dù có ở bao nhiêu đời thì vẫn  
không thể có tình cảm với “mường người”.

Từ nghĩa biểu trưng cho cái rất nhiều, cái  
tổng thể, toàn thể, số “chín” và “mười” trong  
thành ngữ, tục ngữ Thái có thêm nghĩa biểu  
trưng cho sự vô cùng, vô tận. Nét nghĩa này  
xuất hiện trong những nhận định đầy tính  
triết lý về đời sống con người mà trước hết là  
đời sống tình cảm.

Đó là thái độ coi trọng, đề cao quan hệ  
huyết tộc. Ví dụ:

(30) *Ái nọng tóc cầu lìn báu khát/Tóc cầu  
chạt báu xia* (Anh em đến chín thời không  
dứt/Đến chín đời không bỏ)

(31) *Ái nọng tóc cầu tá báu khát/Tóc cầu  
lạt báu xia* (Anh em quan chín bên không  
dứt/Xuống chín chợ không lia)

Trong đời sống tình cảm của người Thái,  
người tình cũ có một vị trí đặc biệt quan  
trọng. Thành ngữ, tục ngữ Thái cho thấy tình  
cảm dành cho người tình cũ được mặc nhiên

thừa nhận là không có điểm kết thúc. Tức là  
vô tận, vô cùng. Ví dụ:

(32) *Xíp xôm bấu to xôm mác phên/Xíp  
xác nén bấu to nén chụ káu* (Mười chua  
không bằng chua quả phèn/Mười yêu thương  
không bằng người tình cũ)

Qua khảo sát ngữ liệu, chúng tôi nhận  
thấy hướng nghĩa biểu trưng cho sự vô cùng  
vô tận của số “chín” và “mười” thường  
hướng về khẳng định giá trị vĩnh hằng của  
tình cảm, tình thân chứ không phải quyền  
lực hay của cải vật chất. Đó cũng là một đặc  
điểm văn hóa riêng của cộng đồng dân tộc  
Thái.

## 4. Kết luận

Trong thành ngữ, tục ngữ của dân tộc  
Thái, số “chín” và “mười” có tần số xuất  
hiện khá dày so với các con số khác. Chúng  
có khả năng kết hợp linh hoạt với các số từ,  
danh từ, kể cả động từ và tính từ. Ngoài  
nghĩa bản thể chỉ số lượng và số thứ tự, số  
“chín” và “mười” còn mang nghĩa biểu  
trưng khá phong phú, thể hiện đặc trưng  
riêng trong tư duy và văn hóa của cộng đồng  
dân tộc Thái. Đó là lối tư duy trực quan  
thông qua các hình ảnh, sự vật cụ thể. Đó là  
lối sống trọng tình cảm, niềm vui, trọng sự  
giàu có về trải nghiệm hơn sự giàu có về của  
cải vật chất.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Biên (1999), *Từ loại tiếng Việt hiện đại*, Nxb Giáo dục.
2. Đỗ Hữu Châu (1999), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
3. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (1997), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb Đà Nẵng.
4. Chu Thái Sơn, Cẩm Trọng (2005), *Người Thái*, Nxb Trẻ.